

Số: 4378/2014/QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày 10 tháng 12 năm 2014

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc quy định giá nước sạch khu vực nông thôn**  
**trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/07/2007 của Chính phủ về sản xuất cung cấp và tiêu thụ nước sạch; Nghị định số 124 /2011/NĐ-CP ngày 28/12/2011 của Chính phủ về việc sửa đổi bổ sung Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2011 của Chính phủ về sản xuất, cung ứng và tiêu thụ nước sạch; Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 75/2012/TTLT-BTC-BXD-BNNPTNT ngày 15/5/2012 của Liên Bộ: Bộ Tài chính – Bộ Xây dựng – Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn về hướng dẫn nguyên tắc, phương pháp xác định và thẩm quyền quyết định giá tiêu thụ nước sạch tại các đô thị, khu công nghiệp và khu vực nông thôn; Thông tư số 88/2012/TT-BTC ngày 28/5/2012 của Bộ Tài chính về việc ban hành khung giá tiêu thụ nước sạch sinh hoạt;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính Thanh Hóa tại Tờ trình số 4624/STC-QLCS-GC ngày 19/11/2014 (kèm theo Biên bản liên ngành: Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Trung tâm Nước sinh hoạt và Vệ sinh môi trường nông thôn Thanh Hóa ngày 04/11/2014) về việc đề nghị phê duyệt giá nước sạch khu vực nông thôn trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Quy định giá nước sạch khu vực nông thôn trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, cụ thể như sau:

1. Đối với nước sạch của các công trình do tổ chức JICA tài trợ và Nhà máy cấp nước xã Tiến Lộc.

Số TT	Danh mục	ĐVT	Giá nước có VAT
1	Nước sinh hoạt các hộ dân cư	đồng/m <sup>3</sup>	5.300
3	Cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, LLVT	đồng/m <sup>3</sup>	8.000

Số TT	Danh mục	ĐVT	Giá nước có VAT
4	Nước Phục vụ mục đích công cộng	đồng/m <sup>3</sup>	8.000
5	Hoạt động sản xuất vật chất	đồng/m <sup>3</sup>	9.000
6	Kinh doanh dịch vụ	đồng/m <sup>3</sup>	11.000

2. Đối với các công trình cấp nước khác.

a) Các công trình cấp nước chưa lắp đồng hồ đo nước:

Số TT	Mục đích sử dụng nước	Giá tối đa (đã có thuế VAT)
1	Giá nước sạch sinh hoạt các hộ dân cư chưa lắp đồng hồ đo nước hoặc sử dụng nước tại bể (vòi) công cộng	20.000 đồng/hộ/tháng
2	Giá nước sạch sinh hoạt cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp.	50.000 đồng/đơn vị/tháng

Giao UBND các huyện căn cứ tình hình thực tế, nhu cầu về nước sạch, thu nhập của người dân tại địa phương có công trình nước, để hướng dẫn đơn vị quản lý vận hành các công trình nước này thu tiền, nhưng không được vượt quá mức thu theo quy định trên.

b) Đối với các công trình cấp nước đã lắp đặt đồng hồ đo đếm:

Số TT	Mục đích sử dụng nước	Giá miền xuôi (đồng/m <sup>3</sup> ) (Đã có VAT)	Giá miền núi (đồng/m <sup>3</sup> ) (Đã có VAT)
1	Nước sạch sinh hoạt các hộ dân cư	5.300	5.000
2	Nước sinh hoạt Cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp.	8.000	7.000
3	Nước sạch sinh hoạt phục vụ mục đích công cộng	8.000	7.000
4	Nước sạch phục vụ hoạt động sản xuất vật chất	9.000	8.000
5	Nước sạch phục vụ kinh doanh dịch vụ	11.000	10.000

**Điều 2.** Trung tâm Nước sinh hoạt và Vệ sinh môi trường nông thôn Thanh Hóa; các tổ chức, cá nhân (chủ công trình cấp nước) có trách nhiệm tuyên truyền, thông báo và ký hợp đồng với các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình để triển khai thực hiện.

Sở Tài chính, Sở xây dựng, Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Sở Y tế, Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa theo chức năng, nhiệm vụ được giao, thường

xuyên kiểm tra việc thực hiện của Trung tâm nước Sinh hoạt và Vệ sinh môi trường nông thôn Thanh Hóa, các tổ chức, cá nhân (chủ công trình cấp nước) đảm bảo quyền lợi người tiêu dùng và sức khoẻ nhân dân.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký. Thay thế Quyết định số 94/2012/QĐ-UBND ngày 10/01/2012 của UBND tỉnh Thanh Hoá.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Cục trưởng Cục thuế tỉnh Thanh Hoá, Chủ tịch UBND các huyện, Giám đốc Trung tâm Nước sinh hoạt và Vệ sinh môi trường nông thôn Thanh Hóa; Thủ trưởng các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *mm*

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3 Quyết định (để thực hiện);
  - Cục kiểm tra văn bản-Bộ Tư pháp (báo cáo);
  - Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng (báo cáo);
  - Thường trực Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (báo cáo);
  - Các Ủy viên UBND tỉnh;
  - Lưu: VT, KTTC.
- QDCD 14-015

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Đình Xứng**